



MOORE AISC

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
PAVO CAPITAL**

*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

MỤC LỤC

Trang

1.	Báo cáo của Tổng Giám đốc	01 - 02
2.	Báo cáo soát xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	03 - 04
3.	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	05 - 06
4.	Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	07 - 23

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital trình bày báo cáo này và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital được thành lập theo Giấy phép số 34/UBCK-GP ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 11/3/2013 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 31/7/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/11/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi tên công ty và địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 20/8/2018 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 03/7/2020 của UBCK Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2020 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa điểm trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 15/6/2022 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND.

Vốn pháp định: 25.000.000.000 VND.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tên tiếng anh: Pavo Capital Asset Management Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PCAM JSC.

Trụ sở chính: Tầng 5, số 14-16-18 Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Wafler Beat Hans

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Trúc Linh

Thành viên

Ông Phùng Thiên Phước

Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Quan Khải

Trưởng ban

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Minh Nam

Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Hoài Mơ

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:

Ông Lê Minh Nam

Tổng Giám đốc

3. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên của Công ty cho báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

5. Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được trình bày phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.


Ông Lê Minh Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số: A0724270-AT-SXR/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

Báo cáo soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 kèm theo (sau đây gọi tắt là "Báo cáo") của **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital** ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 5 đến trang 23 kèm theo, bao gồm Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo của Công ty phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital** tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực, hệ thống kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả về cơ sở lập và mục đích sử dụng. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập chỉ nhằm tuân thủ quy định về quản lý an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, báo cáo soát xét thông tin giữa niên độ và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không nhằm phục vụ cho mục đích sử dụng nào khác.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Đỗ Thị Hằng

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4226-2023-005-1



BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm: 30/6/2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Phạm Thị Hoài Mơ

Kế toán trưởng



Trần Quan Khải

Trưởng ban Kiểm soát nội bộ





Lê Minh Nam

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	11.763.547.030
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	22.686.296
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	5.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		16.786.233.326
5	Vốn khả dụng	7	31.360.454.568
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)		186,82%

Phạm Thị Hoài Mơ
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Trần Quan Khải
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Lê Minh Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Pavo Capital được thành lập theo Giấy phép số 34/UBCK-GP ngày 07 tháng 05 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 11/3/2013 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 31/07/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/11/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi tên công ty và địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 20/8/2018 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 03/7/2020 của UBCK Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2020 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa điểm trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 15/6/2022 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND.

Vốn pháp định: 25.000.000.000 VND.

Trụ sở chính: Tầng 5, số 14-16-18 Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo nhằm tuân thủ quy định về quản lý an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, Báo cáo này không phục vụ mục đích sử dụng nào khác.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong từng trường hợp cụ thể trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính.

2.2. Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2. Vốn khả dụng

Theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC, vốn khả dụng của Công ty được xác định bằng tổng số vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối được cộng lại số dư các tài khoản dự phòng trên bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là năm (5) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên mười (10) năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
 - Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng);
 - Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản và giá trị sổ sách (đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng).

3.3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường gồm:

- Cổ phiếu quỹ
- Chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại, trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.3.1. Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.3.2. Giá trị tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không liên quan tới Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng (“NAV”)/1 Chứng từ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

3.3.3. Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán;

- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận quyền chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán; tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.4.1. Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC.

Thời hạn thanh toán /nhận chuyển giao chứng từ là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

3.4.2. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán cho khách hàng hoặc cho Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại:

Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
Cho vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
Vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các khoản thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.4.2. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo trên thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty. Giá trị của các tài sản được xác định theo mục 3.3.2.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)	
Trước thời hạn nhận thanh toán	0
Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
	0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)	
Trước thời hạn chuyển giao chứng khoán	0
Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)
	0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)

b. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.4.3. Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.4.4. Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5. Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng từ là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

3.5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với các mức độ tổn thất có thể xảy ra lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh) theo quy định của pháp luật tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	4.006.629.133	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	150.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu chính Phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây) trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc đã bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD.	3%	-	-
III. Trái phiếu các tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
V. Cổ phiếu				
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	466.250.000	46.625.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	25.235.996.179	7.570.798.854
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%		-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VIII. Các tài sản khác				
21	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	2.343.604.400	1.874.883.520
22	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
IX. Rủi ro tăng thêm				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
22	Chứng chỉ Quỹ Đầu tư cơ hội Pavo	30%	7.570.798.854	2.271.239.656
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				11.763.547.030

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

5. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro (VND)
	0% (1)	0,8% (2)	3,2% (3)	4,8% (4)	6% (5)	8% (6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1. Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.	-		-	-	9.000.000	13.686.296	22.686.296
2. Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3. Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6. Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro (VND)
1. Từ 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%			-			-
2. Từ 16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%			-			-
3. Từ 31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%			-			-
4. Từ 60 ngày trở đi	100%			-			-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)							22.686.296

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

6. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	975.795.375
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	42.354.134
	1. Chi phí khấu hao	-
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	30.000.000
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.354.134
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III= I – II)	933.441.241
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25% III)	233.360.310
V.	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh).	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max { IV,V})		5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

7. VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	50.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(18.520.010.529)	-	-
9	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-	-	-
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
14	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
1A	Tổng	31.479.989.471		
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	-	-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày trở xuống	-	-	-
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	119.534.903	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	19.062.448	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	100.472.455	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4.1	Tạm ứng	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	Tổng			119.534.903
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động khác	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	-	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6	-	-	-
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
1	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6	-	-	-
1C	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				31.360.454.568

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.


.....
Phạm Thị Hoài Mơ
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2024


.....
Trần Quan Khải
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ


.....
Lê Minh Nam
Tổng Giám đốc

